Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0900189284, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT, S=Hưng Yên, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.03.27 17:08:48+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.2.1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
Ông Chu Quang Vũ	Thành viên độc lập
Ông Đặng Ngọc Khánh	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thị Hải Vân	Trưởng ban
Bà Ngô Lan Anh	Thành viên
Bà Thái Thị Lộc	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Phạm Thị Kim Oanh	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0900189284 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
TỈNH HƯNG YÊN

Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2026

Deloitte.

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza
16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ
Thành phố Hà Nội
Việt Nam
Điện thoại: +84 24 710 50000
www.deloitte.com/vn

Số: 0740 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Deloitte là tên gọi dùng để chỉ Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL"), hoặc mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu, và các đơn vị liên quan của các hãng thành viên (gọi chung là "Tổ chức Deloitte"). DTTL (hay còn gọi là "Deloitte Toàn cầu") và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan là các pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không chịu trách nhiệm hoặc bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan chỉ chịu trách nhiệm cho các hành vi và thiếu sót của riêng mình, không chịu trách nhiệm cho hành vi hoặc thiếu sót của các bên còn lại. DTTL không cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Vui lòng truy cập www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 24 tháng 3 năm 2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

M.S.D.N: 0100112500 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Nam Phong
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0929-2024-001-1

Bùi Thị Mai Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 3829-2026-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 24 tháng 3 năm 2026
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**1.383.355.031.957**	**1.015.072.291.199**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5**	**481.464.857.088**	**319.257.876.941**
1.	Tiền	111		38.764.857.088	46.457.876.941
2.	Các khoản tương đương tiền	112		442.700.000.000	272.800.000.000
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**6**	**258.767.090.411**	**281.046.575.342**
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		258.767.090.411	281.046.575.342
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**608.799.438.799**	**382.019.681.921**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	225.759.760.949	146.311.178.378
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.685.352.083	19.125.157.288
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	-	196.900.000.000
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	9	378.354.325.767	19.683.346.255
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**1.986.588.655**	**721.931.618**
1.	Hàng tồn kho	141		1.986.588.655	721.931.618
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**32.337.057.004**	**32.026.225.377**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	30.307.726.930	29.956.239.110
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		882.220.272	922.876.465
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	1.147.109.802	1.147.109.802
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**97.287.423.659.648**	**80.778.004.224.445**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**103.595.000.000**	**23.095.000.000**
1.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	99.400.000.000	19.000.000.000
2.	Phải thu dài hạn khác	216	9	4.195.000.000	4.095.000.000
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**38.934.232.937**	**67.613.461.560**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	32.832.232.331	59.554.496.946
	- Nguyên giá	*222*		*187.305.906.852*	*186.037.992.716*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(154.473.674.521)*	*(126.483.495.770)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	13	6.102.000.606	8.058.964.614
	- Nguyên giá	*228*		*29.662.833.440*	*29.362.833.440*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(23.560.832.834)*	*(21.303.868.826)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**	**14**	**79.481.693.590**	**92.443.046.398**
	- Nguyên giá	*231*		*259.227.056.200*	*259.227.056.200*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*232*		*(179.745.362.610)*	*(166.784.009.802)*
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**7.840.967.750**	**5.560.498.118**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7.840.967.750	5.560.498.118
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**6**	**97.018.349.440.000**	**80.585.847.420.000**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		97.018.349.440.000	80.585.847.420.000
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**39.222.325.371**	**3.444.798.369**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	10	39.222.325.371	3.444.798.369
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**98.670.778.691.605**	**81.793.076.515.644**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**4.239.852.223.395**	**1.012.889.937.592**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**1.380.352.223.395**	**1.012.889.937.592**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	38.729.574.662	20.302.825.821
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	5.336.528.393	11.898.040.627
3.	Phải trả người lao động	314		12.474.675.078	8.110.460.639
4.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.528.188.086	480.866.916
5.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.912.768.409	3.151.245.281
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	16	38.532.671.975	30.484.725.723
7.	Vay ngắn hạn	320	18	400.000.000.000	-
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	878.837.816.792	938.461.772.585
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**2.859.500.000.000**	**-**
1.	Vay dài hạn	338	19	2.859.500.000.000	-
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**94.430.926.468.210**	**80.780.186.578.052**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**20**	**94.430.926.468.210**	**80.780.186.578.052**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		76.754.658.550.000	63.962.502.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*76.754.658.550.000*	*63.962.502.000.000*
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.388.437.800.829	788.437.800.829
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.287.830.117.381	16.029.246.777.223
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.213.660.502.223	5.781.846.305.123
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		14.074.169.615.158	10.247.400.472.100
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**98.670.778.691.605**	**81.793.076.515.644**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Diệu Linh	Phạm Thị Kim Oanh	Nguyễn Việt Thắng

Ngày 24 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu cung cấp dịch vụ**	**01**	**22**	**343.201.504.436**	**336.844.707.581**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.460.500	6.209.729
3.	**Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**		**343.200.043.936**	**336.838.497.852**
4.	Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	23	269.399.108.366	269.171.569.626
5.	**Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**73.800.935.570**	**67.666.928.226**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	14.347.362.462.056	10.300.211.056.695
7.	Chi phí tài chính	22	26	170.876.487.419	-
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*170.875.684.935*	-
8.	Chi phí bán hàng	25		15.318.330	3.114.692
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	176.095.070.533	121.220.079.522
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))**	**30**		**14.074.176.521.344**	**10.246.654.790.707**
11.	Thu nhập khác	31		44.122.137	1.951.218.294
12.	Chi phí khác	32		51.028.323	1.205.536.901
13.	**(Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**(6.906.186)**	**745.681.393**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**14.074.169.615.158**	**10.247.400.472.100**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	-
16.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)**	**60**		**14.074.169.615.158**	**10.247.400.472.100**

Nguyễn Diệu Linh	**Phạm Thị Kim Oanh**	**Nguyễn Việt Thắng**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 24 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***14.074.169.615.158***	***10.247.400.472.100***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	42.476.945.567	46.967.781.999
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(14.347.359.734.046)	(10.301.070.080.046)
	Chi phí lãi vay	06	170.875.684.935	-
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***(59.837.488.386)***	***(6.701.825.947)***
	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(78.319.009.634)	(132.029.837.271)
	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.264.657.037)	(721.931.618)
	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	11.769.662.541	23.893.666.896
	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(36.129.014.822)	(3.656.196.270)
	Tiền lãi vay đã trả	14	(155.524.732.880)	-
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(16.980.955.505)
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	447.272.727
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(482.322.130.793)	(448.222.923.807)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(801.627.371.011)***	***(583.972.730.795)***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.848.383.768)	(18.154.148.691)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.951.217.372
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(359.167.090.411)	(1.774.796.575.342)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	497.946.575.342	3.235.450.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(16.810.000.000.000)	(11.290.000.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	441.247.980.000	299.997.580.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.938.189.642.995	10.308.153.462.002
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(2.295.631.275.842)***	***762.601.535.341***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp Theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	6.391.500.000.000	-
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.132.000.000.000)	-
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(34.373.000)	(98.469.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***3.259.465.627.000***	***(98.469.000)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**162.206.980.147**	**178.530.335.546**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**319.257.876.941**	**140.727.541.395**
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	**70**	**481.464.857.088**	**319.257.876.941**

Nguyễn Diệu Linh	Phạm Thị Kim Oanh	Nguyễn Việt Thắng
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 24 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên (nay là Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên) cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 09 tháng 01 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 38 ngày 11 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là HPG từ ngày 15 tháng 11 năm 2007.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 131 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 154 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
- Sản xuất thùng, bể chứa và các dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện bằng kim loại;
- Thăm dò, khai thác khoáng sản;
- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện;
- Buôn bán ô tô, xe máy, thiết bị phụ tùng, ngành công nghiệp vận tải, khai thác mỏ và phương tiện vận tải;
- Sản xuất và kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Buôn bán đồ điện, điện tử, các thiết bị y tế và quang học;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa và bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và điều hòa không khí;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa plastic;
- Các hoạt động quảng cáo;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Khai thác cát, đá và sỏi;
- Sản xuất, kinh doanh và lắp ráp các thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện và cán thép;
- Sản xuất cán kéo thép và sản xuất tôn lợp;

- Khai thác quặng kim loại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại và sắt thép phế liệu;
- Luyện gang thép, đúc gang và sắt, thép;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống inox;
- Sản xuất và kinh doanh các loại tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và tôn mạ lạnh;
- Ủy thác xuất – nhập khẩu;
- Chăn nuôi lợn;
- Chăn nuôi bò;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Chăn nuôi khác;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Vận tải hàng hóa ven biển, đường thủy nội địa và viễn dương;
- Xuất, nhập khẩu, mua bán, phân phối hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định của Pháp luật;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Đầu tư, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện máy – gia dụng;
- Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh; và
- Sản xuất tủ đông, tủ mát.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, quảng cáo, dịch vụ tư vấn quản lý và đầu tư tài chính.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các công ty con trực tiếp như sau:

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại Hà Nội	Số 66, Đường Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0900189284-002 đăng ký ngày 05 tháng 9 năm 2002
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 22, Đường Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0900189284-005 đăng ký ngày 03 tháng 01 năm 2009
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại Thành phố Đà Nẵng (*)	Số 171, Đường Trường Chinh, Phường An Khê, Thành phố Đà Nẵng	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0900189284-003 đăng ký ngày 19 tháng 6 năm 2002

(*) Nghị quyết số 14/NQHP-2025 ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại Thành phố Đà Nẵng.

Các công ty con trực tiếp :

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát (i)	Hà Nội	99,9989%	99,9989%	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh thép xây dựng và các hoạt động phụ trợ.
2	Công ty Cổ phần Sản phẩm Thép Hòa Phát (ii)	Hà Nội	99,9960%	99,9960%	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh ống thép, tôn mạ màu và các hoạt động phụ trợ.
3	Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (iii)	Hưng Yên	94,9992%	94,9992%	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; trồng trọt; các hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi, sau thu hoạch; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
4	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát (iv)	Hà Nội	99,9811%	99,9811%	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản và các hoạt động phụ trợ.
5	Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát (v)	Hà Nội	99,9167%	99,9167%	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện máy - gia dụng.

(i) Ngày 28 tháng 02 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 03/NQHP-2025 về việc tăng vốn góp thêm 12.200.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát, tiến độ góp tăng vốn không muộn hơn ngày 31 tháng 12 năm 2025. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã góp đủ số vốn trên bằng tiền chuyển khoản. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát thay đổi từ 99,9987% lên 99,9989%.

(ii) Ngày 28 tháng 02 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 04/NQHP-2025 về việc tăng vốn góp thêm 420.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Sản phẩm Thép Hòa Phát. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã góp đủ số vốn trên bằng tiền chuyển khoản. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Sản phẩm Thép Hòa Phát thay đổi từ 99,9958% lên 99,9960%.

(iii) Ngày 05 tháng 5 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 08/NQHP-2025 về việc giảm phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát với số tiền là 249.997.980.000 VND.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 12/NQHP-2025 về việc chuyển nhượng 12.750.000 cổ phần, tương ứng 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát. Đối tượng nhận chuyển nhượng là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát, thành viên Ban Giám đốc các Công ty thành viên và các cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc Tập đoàn Hòa Phát và Công ty Thành viên đáp ứng đủ điều kiện được phân phối quyền mua cổ phần theo Quy chế được ban hành kèm Quyết định số 52/2025/QĐ-TĐHP ngày 04 tháng 9 năm 2025. Giá chuyển nhượng là 15.000 VND/cổ phiếu.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành xong giao dịch giảm vốn góp này. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát thay đổi từ 99,9992% xuống 94,9992%.

(iv) Ngày 12 tháng 3 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 15/NQHP-2025 về việc tăng vốn góp thêm 3.800.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã góp đủ số vốn trên bằng tiền chuyển khoản. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát thay đổi từ 99,9706% lên 99,9811%.

(v) Ngày 05 tháng 5 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 09/NQHP-2025 về việc tăng vốn góp thêm 200.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã góp đủ số vốn theo Nghị quyết trên bằng tiền chuyển khoản. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Điện máy gia dụng Hòa Phát thay đổi từ 99,9000% lên 99,9167%.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con trong một báo cáo khác. Người đọc cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để thu thập các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm.

Năm tài chính

Năm tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban

Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn (có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	02 - 10
Thiết bị văn phòng	02 - 10
Phương tiện vận chuyển	06 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và quyền sử dụng đất có thời hạn, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1,5 năm đến 6 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là tòa nhà văn phòng tại số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 20 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm chi phí quảng cáo; chi phí thuê văn phòng, chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê và chi phí đã được trả trước. Tiền thuê và chi phí trả trước này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian trả trước tiền thuê.

Chi phí quảng cáo, chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa và các khoản khác được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm hạch toán. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh và số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận là khoản hoàn nhập hoặc bổ sung vào chi phí trong năm.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều năm tài chính cho dịch vụ chưa được cung cấp. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	820.836.566	383.305.265
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.944.020.522	46.074.571.676
Các khoản tương đương tiền (i)	442.700.000.000	272.800.000.000
	481.464.857.088	**319.257.876.941**

(i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 (ba) tháng tại các ngân hàng thương mại, với lãi suất 4,75%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4,2%/năm đến 4,75%/năm).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	**258.767.090.411**	***258.767.090.411***	**281.046.575.342**	***281.046.575.342***
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	*258.767.090.411*	*258.767.090.411*	*281.046.575.342*	*281.046.575.342*

(i) Phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc trên 3 (ba) tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 (mười hai) tháng, với lãi suất 5,7%/năm đến 6,7%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 4,6%/năm đến 5,4%/năm).

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	***97.018.349.440.000***	-	***80.585.847.420.000***	-
Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát	*73.999.220.000.000*	-	*61.609.220.000.000*	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát	*10.598.000.000.000*	-	*6.798.000.000.000*	-
Công ty Cổ phần Sản phẩm Thép Hòa Phát	*8.799.650.000.000*	-	*8.379.650.000.000*	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (i)	*2.422.479.440.000*	-	*2.799.977.420.000*	-
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát	*1.199.000.000.000*	-	*999.000.000.000*	-

Trong năm 2024 và 2025, các công ty con của Công ty đều hoạt động kinh doanh có lãi.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định kế toán hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết.

(i) Theo Thông báo số 245/TB-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 01 năm 2026 về việc niêm yết và ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát, mã chứng khoán HPA, ngày niêm yết có hiệu lực là ngày 29 tháng 01 năm 2026, ngày chính thức giao dịch là ngày 06 tháng 02 năm 2026 với giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 41.900 VND/cổ phiếu (chi tiết tại Thuyết minh số 31).

Các số dư tại thời điểm cuối năm và giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 29.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng không phải là bên liên quan	**67.866.885**	**997.304.245**
Các đối tượng khác	67.866.885	997.304.245
b. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	**225.691.894.064**	**145.313.874.133**
	225.759.760.949	**146.311.178.378**

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	-	195.400.000.000
Công ty Cổ Phần Ván Sàn Hòa Phát (Trước là Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Châu Đức)	-	1.500.000.000
	-	**196.900.000.000**
b. Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	80.400.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	19.000.000.000	19.000.000.000
	99.400.000.000	**19.000.000.000**

Số dư phải thu về cho vay phản ánh các khoản cho vay bằng VND, không có tài sản đảm bảo, được cấp cho các công ty con gián tiếp của Công ty để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu cổ tức được chia	345.000.000.000	-
Các khoản chi hộ	22.129.240.717	7.548.363.443
Lãi phải thu	10.578.095.491	9.885.086.632
Phải thu khác	646.989.559	2.249.896.180
	378.354.325.767	**19.683.346.255**
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	4.195.000.000	4.095.000.000
	4.195.000.000	**4.095.000.000**
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 29)	**352.213.146.729**	**7.216.057.019**

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí quảng cáo	11.316.545.400	11.387.732.869
Chi phí thuê văn phòng	16.769.563.970	13.709.655.910
Công cụ, dụng cụ	587.256.977	1.977.455.604
Chi phí khác	1.634.360.583	2.881.394.727
	30.307.726.930	**29.956.239.110**
b. Dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	21.072.943.340	2.217.330.843
Công cụ, dụng cụ	500.864.341	988.597.413
Chi phí khác	17.648.517.690	238.870.113
	39.222.325.371	**3.444.798.369**

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/ thu trong năm	Số đã thực nộp/ thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	425.650.100	-	-	425.650.100
Thuế thu nhập doanh nghiệp	721.459.702	-	-	721.459.702
	1.147.109.802	**-**	**-**	**1.147.109.802**
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	9.141.010.445	15.636.789.990	19.784.109.348	4.993.691.087
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	106.469.002	106.469.002	-
Thuế nhập khẩu	-	43.467	43.467	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.757.030.182	53.529.625.350	55.943.818.226	342.837.306
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	198.164.491	198.164.491	-
Tiền thuê đất	-	503.142.305	503.142.305	-
Thuế, phí khác	-	8.020.000	8.020.000	-
	11.898.040.627	**69.982.254.605**	**76.543.766.839**	**5.336.528.393**

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận chuyển	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	**5.687.295.643**	**6.706.912.418**	**94.462.406.226**	**79.181.378.429**	**186.037.992.716**
Tăng trong năm	-	715.508.581	552.405.555	-	1.267.914.136
Số dư cuối năm	**5.687.295.643**	**7.422.420.999**	**95.014.811.781**	**79.181.378.429**	**187.305.906.852**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	**3.926.210.525**	**5.345.455.260**	**70.815.660.824**	**46.396.169.161**	**126.483.495.770**
Khấu hao trong năm	568.730.448	672.079.689	16.460.607.564	10.288.761.050	27.990.178.751
Số dư cuối năm	**4.494.940.973**	**6.017.534.949**	**87.276.268.388**	**56.684.930.211**	**154.473.674.521**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	**1.761.085.118**	**1.361.457.158**	**23.646.745.402**	**32.785.209.268**	**59.554.496.946**
Tại ngày cuối năm	**1.192.354.670**	**1.404.886.050**	**7.738.543.393**	**22.496.448.218**	**32.832.232.331**

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 77.278.973.668 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 38.860.400.523 VND).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	**2.755.408.500**	**26.607.424.940**	**29.362.833.440**
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	300.000.000	300.000.000
Số dư cuối năm	**2.755.408.500**	**26.907.424.940**	**29.662.833.440**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	**21.303.868.826**	**21.303.868.826**
Khấu hao trong năm	-	2.256.964.008	2.256.964.008
Số dư cuối năm	-	**23.560.832.834**	**23.560.832.834**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	**2.755.408.500**	**5.303.556.114**	**8.058.964.614**
Tại ngày cuối năm	**2.755.408.500**	**3.346.592.106**	**6.102.000.606**

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 19.765.339.940 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 17.864.527.940 VND).

14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	**259.227.056.200**
Số dư cuối năm	**259.227.056.200**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	**166.784.009.802**
Khấu hao trong năm	12.961.352.808
Số dư cuối năm	**179.745.362.610**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	**92.443.046.398**
Tại ngày cuối năm	**79.481.693.590**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn không phải là bên liên quan	**38.687.410.568**	**19.546.735.906**
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Hà Nội	20.610.443.000	1.136.562.500
Công ty TNHH Onecad Việt Nam	5.012.700.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại In Nhật Nam	4.362.605.360	-
Các đối tượng khác	8.701.662.208	18.410.173.406
b. Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	**42.164.094**	**756.089.915**
	38.729.574.662	**20.302.825.821**

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay phải trả	15.350.952.055	-
Cổ tức phải trả	717.420.631	751.793.631
Phải trả khác	22.464.299.289	29.732.932.092
	38.532.671.975	**30.484.725.723**
Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 29)	**15.350.952.055**	-

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	**938.461.772.585**	**1.118.614.447.284**
Trích quỹ trong năm (i)	423.429.725.000	265.750.000.000
Chi quỹ trong năm	(483.053.680.793)	(445.902.674.699)
Số dư cuối năm	**878.837.816.792**	**938.461.772.585**

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2025 ngày 17 tháng 4 năm 2025, Công ty đã thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế năm 2024.

18. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	VND	VND		VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn từ các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 29) (i)	-	6.044.500.000.000	5.644.500.000.000	400.000.000.000
	-	**6.044.500.000.000**	**5.644.500.000.000**	**400.000.000.000**

(i) Phản ánh các khoản vay bằng VND từ các bên liên quan để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, không có tài sản đảm bảo, thời hạn vay 03 (ba) tháng.

19. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	VND	VND		VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn từ các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 29) (i)	-	5.317.000.000.000	2.457.500.000.000	2.859.500.000.000
	-	**5.317.000.000.000**	**2.457.500.000.000**	**2.859.500.000.000**

(i) Phản ánh các khoản vay bằng VND từ bên liên quan để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, không có tài sản đảm bảo, thời hạn vay từ 15 tháng đến 02 (hai) năm.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**58.147.857.000.000**	**3.211.560.416.270**	**790.996.872.665**	**8.650.680.888.853**	**70.801.095.177.788**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.247.400.472.100	10.247.400.472.100
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	5.814.645.000.000	(3.211.560.416.270)	-	(2.603.084.583.730)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(265.750.000.000)	(265.750.000.000)
Sử dụng trong năm	-	-	(2.559.071.836)	-	(2.559.071.836)
Số dư cuối năm trước	**63.962.502.000.000**	**-**	**788.437.800.829**	**16.029.246.777.223**	**80.780.186.578.052**
Số dư đầu năm nay	**63.962.502.000.000**	**-**	**788.437.800.829**	**16.029.246.777.223**	**80.780.186.578.052**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	14.074.169.615.158	14.074.169.615.158
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	12.792.156.550.000	-	-	(12.792.156.550.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(423.429.725.000)	(423.429.725.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	600.000.000.000	(600.000.000.000)	-
Số dư cuối năm nay	**76.754.658.550.000**	**-**	**1.388.437.800.829**	**16.287.830.117.381**	**94.430.926.468.210**

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2025 ngày 17 tháng 4 năm 2025, Công ty đã thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ khen thưởng Ban điều hành, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát và Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2024.

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 38 ngày 11 tháng 8 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 76.754.658.550.000 VND tương ứng với 7.675.465.855 cổ phiếu (tại 31 tháng 12 năm 2024: 63.962.502.000.000 VND tương ứng với 6.396.250.200 cổ phiếu), đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận Đăng kinh Doanh nghiệp sửa đổi		Vốn đã góp			
			Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%	VND	%
Ông Trần Đình Long	19.800.000.000.000	25.80	19.800.000.000.000	25.80	16.500.000.000.000	25,80
Bà Vũ Thị Hiền	5.280.000.000.000	6.88	5.280.000.000.000	6.88	4.400.000.000.000	6,88
Các cổ đông khác	51.674.658.550.000	67.32	51.674.658.550.000	67.32	43.062.502.000.000	67,32
	76.754.658.550.000	**100.00**	**76,754,658,550,000**	**100.00**	**63.962.502.000.000**	**100,00**

Cổ phiếu	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.675.465.855	6.396.250.200
Cổ phiếu phổ thông	*7.675.465.855*	*6.396.250.200*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.675.465.855	6.396.250.200
Cổ phiếu phổ thông	*7.675.465.855*	*6.396.250.200*

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm nay		Năm trước	
		VND		VND
	Số cổ phiếu	Mệnh giá	Số cổ phiếu	Mệnh giá
Số dư đầu năm	**6.396.250.200**	**63.962.502.000.000**	**5.814.785.700**	**58.147.857.000.000**
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.279.215.655	12.792.156.550.000	581.464.500	5.814.645.000.000
Số dư cuối năm	**7.675.465.855**	**76.754.658.550.000**	**6.396.250.200**	**63.962.502.000.000**

Cổ tức

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2025 ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết số 10/NQHP-2025 ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo tỷ lệ 20% (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thường được nhận 2 cổ phiếu phát hành thêm). Ngày 27 tháng 6 năm 2025, Công ty đã chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng việc phát hành cổ phiếu. Ngày 18 tháng 7 năm 2025, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho Công ty được thay đổi niêm yết liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức này. Theo đó, số lượng chứng khoán niêm yết tăng thêm 1.279.215.655 cổ phiếu (từ 6.396.250.200 cổ phiếu lên 7.675.465.855 cổ phiếu) kể từ ngày được chấp thuận này. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 38 số 0900189284 ngày 11 tháng 8 năm 2025 được cấp bởi Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên, vốn điều lệ của Công ty là 76.754.658.500.000 VND, tổng số cổ phiếu là 7.675.465.855 với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
Đô la Mỹ (USD)	367,25	406,85

Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cam kết thuê hoạt động		
Trong vòng một năm	237.217.765.374	79.641.176.916
Từ hai năm đến năm năm	634.418.585.264	164.022.488.314
Trên năm năm	104.680.159.126	92.683.774.038
	976.316.509.764	**336.347.439.268**

Thông tin chi tiết các khoản cam kết thuê hoạt động chủ yếu như sau:

- Hợp đồng thuê chuyến bay ngày 01 tháng 01 năm 2026 với Công ty Cổ phần Hàng không Hải Âu với thời hạn cung cấp dịch vụ thuê chuyến bay đến ngày 01 tháng 01 năm 2031.
- Hợp đồng số 66ND/2017/HĐ-HC ngày 14 tháng 10 năm 2017 và các phụ lục kèm theo, thuê tòa nhà tại 66 Nguyễn Du, Phường Cửa Nam (trước đây là Quận Hai Bà Trưng), Thành phố Hà Nội, với thời hạn thuê từ ngày 14 tháng 10 năm 2017 đến ngày 13 tháng 12 năm 2032.
- Hợp đồng số 18/2024/TPM-TĐHP ngày 22 tháng 7 năm 2024 thuê Tòa nhà văn phòng tại số 22 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành (trước đây là Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1), Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê từ ngày 22 tháng 7 năm 2024 đến ngày 22 tháng 7 năm 2034.
- Hợp đồng thuê đất ngày 16 tháng 6 năm 2012, thuê 633m2 đất tại 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Hai Bà Trưng (trước đây là Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng), Thành phố Hà Nội, với thời hạn thuê từ ngày 07 tháng 5 năm 2012 đến ngày 15 tháng 10 năm 2043.
- Hợp đồng số 3110/2024/HĐTN-TĐHP ngày 31 tháng 10 năm 2024, thuê 370m2 tòa nhà số 68 Nguyễn Du, Phường Cửa Nam (trước đây là Quận Hai Bà Trưng), Thành phố Hà Nội, với thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 đến ngày 30 tháng 11 năm 2029.

22. DOANH THU VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	297.014.704.436	293.239.885.880
Doanh thu từ bất động sản đầu tư cho thuê	46.186.800.000	43.604.821.701
	343.201.504.436	**336.844.707.581**
Trong đó: Doanh thu cung cấp dịch vụ với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 29)	342.102.586.496	336.337.758.915

23. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	249.752.509.778	256.210.216.818
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	19.646.598.588	12.961.352.808
	269.399.108.366	**269.171.569.626**

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	59.638.393.280	47.304.489.908
Chi phí khấu hao	42.476.945.567	46.967.781.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	227.685.303.365	248.035.880.137
Chi phí khác bằng tiền	115.708.855.017	48.083.497.104
	445.509.497.229	**390.391.649.148**

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	14.233.808.715.425	10.242.531.132.203
Lãi chuyển nhượng cổ phần	63.750.000.000	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	49.801.018.621	57.679.836.170
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.728.010	88.322
	14.347.362.462.056	**10.300.211.056.695**
Trong đó: Doanh thu tài chính với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 29)	14.249.218.526.383	10.256.740.595.219

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	170.875.684.935	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	802.484	-
	170.876.487.419	-
Trong đó: Chi phí tài chính với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 29)	170.875.684.935	-

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	18.557.968.624	14.675.535.920
Phân bổ chi phí sửa chữa văn phòng, công cụ và dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác	774.329.987	1.254.509.832
Chi phí khấu hao	16.496.561.904	21.861.775.846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.193.378.968	43.565.317.736
Chi phí bằng tiền khác	99.072.831.050	39.862.940.188
	176.095.070.533	**121.220.079.522**

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	**14.074.169.615.158**	**10.247.400.472.100**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(14.233.808.715.425)	(10.242.531.132.205)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	29.866.464.662	45.617.069.865
Chuyển lỗ	-	(50.486.409.760)
Thu nhập chịu thuế năm nay	-	-
Thu nhập chịu thuế suất 20%	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm nay	-	-

Các khoản lỗ tính thuế có thể mang sang trong vòng năm năm liền kề từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ tính thuế. Các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Năm phát sinh	Năm hết hạn	Lỗ tính thuế	Số lỗ đã chuyển đến ngày 31/12/2025	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 31/12/2025
		VND	VND	VND
2022 (*)	2027	126.219.042.668	50.486.409.763	75.732.632.905
2023 (*)	2028	207.297.804	-	207.297.804
2025 (*)	2030	129.772.635.605	-	129.772.635.605
		256.198.976.077	**50.486.409.763**	**205.712.566.314**

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và lỗ tính thuế vì Công ty không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Sản phẩm thép Hòa Phát	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Điện máy gia dụng Hòa Phát Hà Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát Hà Nội	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển chăn nuôi Hòa Phát	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Hòa Phát Yên Mỹ	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Mỹ Hào	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hoàng Diệu	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Lý Thường Kiệt	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp số 6	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Miện	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Đô thị xanh	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sản xuất Container Hòa Phát	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ Phần Ván Sàn Hòa Phát (Trước là Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Châu Đức)	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Vận tải biển Hòa Phát	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Xây dựng Long Việt	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thành phố mới	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Ống Thép Hòa Phát Long An	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Phụ kiện cơ khí Hòa Phát	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thép dây Hòa Phát	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Harmonia	Công ty con gián tiếp

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	**342.102.586.496**	**336.337.758.915**
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	84.371.232.295	101.828.233.454
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	67.890.293.455	73.469.746.587
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	35.265.435.583	30.975.593.090
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	33.677.847.684	31.396.438.590
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	24.098.321.426	28.617.683.815
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	14.493.978.045	4.363.430.424
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	11.418.148.094	21.518.566.909
Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát	9.531.199.728	7.279.188.293
Các bên liên quan khác	61.356.130.186	36.888.877.753
Mua hàng	**34.650.724.695**	**7.402.189.812**
Công ty Cổ phần Xây dựng Long Việt	23.327.659.576	929.119.500
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thành phố mới	9.272.727.276	4.250.545.454
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	1.171.353.054	394.810.671
Các bên liên quan khác	878.984.789	1.827.714.187
Cho vay	**1.794.000.000.000**	**1.175.500.000.000**
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	980.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Hòa Phát	310.000.000.000	-
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	250.000.000.000	840.000.000.000
Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên	170.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	50.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Container Hòa Phát	34.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	-	191.000.000.000
Công ty Cổ phần Ván sàn Hòa Phát	-	44.500.000.000
Công ty TNHH Thép dây Hòa Phát	-	6.000.000.000
Thu hồi tiền cho vay	**1.912.000.000.000**	**1.194.000.000.000**
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	980.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Hòa Phát	310.000.000.000	115.000.000.000
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	250.000.000.000	840.000.000.000
Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên	170.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	115.000.000.000	75.000.000.000
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	50.000.000.000	81.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Container Hòa Phát	34.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Ván sàn Hòa Phát	1.500.000.000	43.000.000.000
Công ty TNHH MTV Ống Thép Hòa Phát Long An	1.500.000.000	-
Công ty TNHH Phụ kiện Cơ khí Hòa Phát	-	40.000.000.000

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Đi vay	**7.154.500.000.000**	-
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Đô thị xanh	4.100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoàng Diệu	454.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Đồng Phúc	341.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	488.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Hòa Phát Yên Mỹ	386.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Lý Thường Kiệt	330.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Mỹ Hào	143.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp số 6	210.000.000.000	-
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Thanh Miện	160.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát	152.000.000.000	-
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát Hà Nội	90.000.000.000	-
Trả tiền vay	**3.895.000.000.000**	-
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Đô thị xanh	2.940.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp số 6	210.000.000.000	-
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Mỹ Hào	143.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát	140.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Hòa Phát Yên Mỹ	102.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát Hà Nội	90.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	70.000.000.000	-
Lãi cho vay	**15.409.810.958**	**14.209.463.016**
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	7.005.424.656	6.636.964.383
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	4.292.975.343	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Hòa Phát	1.639.265.754	1.262.328.767
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	1.550.150.685	2.710.671.234
Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên	491.457.534	-
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	303.780.822	2.524.697.261
Công ty Cổ phần Sản xuất Container Hòa Phát	86.071.233	-
Công ty Cổ phần Ván sàn Hòa Phát	40.684.931	39.184.931
Công ty TNHH Phụ kiện Cơ khí Hòa Phát	-	1.035.616.440

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận được chia từ công ty con	**14.233.808.715.425**	**10.242.531.132.203**
Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát	9.041.543.658.056	3.646.320.201.663
Công ty Cổ phần Sản phẩm thép Hòa Phát	2.253.900.000.000	4.510.643.271.492
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát	1.393.491.208.628	961.823.891.722
Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	1.367.952.674.095	1.042.533.561.670
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	176.921.174.646	81.210.205.656
Chi phí lãi vay	**170.875.684.935**	-
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Đô thị xanh	127.465.116.440	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Đồng Phúc	12.849.073.975	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoàng Diệu	10.909.830.136	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	5.534.630.136	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Mỹ Hào	4.999.936.985	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Hòa Phát Yên Mỹ	2.936.756.165	-
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	2.144.109.589	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát Hà Nội	1.253.095.892	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Lý Thường Kiệt	1.077.534.247	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát	632.986.302	-
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	480.491.781	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp số 6	300.616.438	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Thanh Miện	291.506.849	-
Đầu tư vào công ty con	**16.810.000.000.000**	**11.290.000.000.000**
Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát	12.390.000.000.000	7.610.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát	3.800.000.000.000	800.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản phẩm Thép Hòa Phát	420.000.000.000	2.880.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	200.000.000.000	-
Thoái vốn	**377.497.980.000**	**299.997.580.000**
Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	377.497.980.000	299.997.580.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	**225.691.894.064**	**145.313.874.133**
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	106.497.800.540	47.286.718.243
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	25.609.917.516	34.925.040.272
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	24.858.015.662	14.079.397.058
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	17.488.176.442	11.881.185.962
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	15.290.866.002	9.062.499.447
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	6.793.278.205	18.609.934.618
Các bên liên quan khác	29.153.839.697	9.469.098.533
Phải thu về cho vay ngắn hạn	**-**	**196.900.000.000**
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	-	195.400.000.000
Công ty Cổ phần Ván sàn Hòa Phát	-	1.500.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	**99.400.000.000**	**19.000.000.000**
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	80.400.000.000	-
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	19.000.000.000	19.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	**352.213.146.729**	**7.216.057.019**
Công ty Cổ phần Gang Thép Hòa Phát	345.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	2.390.550.340	2.519.936.720
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	1.246.210.400	1.231.109.875
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	758.243.996	855.939.548
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	657.509.443	636.265.256
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	646.820.462	556.407.015
Các bên liên quan khác	1.513.812.088	1.416.398.605
Phải trả người bán ngắn hạn	**42.164.094**	**756.089.915**
Công ty TNHH Harmonia	14.554.640	8.850.000
Các bên liên quan khác	27.609.454	747.239.915
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**28.973.836**	**3.926.142.063**
Công ty Cổ phần Xây dựng Long Việt	28.973.836	3.926.142.063
Vay ngắn hạn	**400.000.000.000**	**-**
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Thanh Miện	160.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Đô thị xanh	128.000.000.000	-
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát Hà Nội	12.000.000.000	-

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay dài hạn	**2.859.500.000.000**	-
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Đô thị xanh	1.160.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoàng Diệu	454.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Đồng Phúc	341.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Lý Thường Kiệt	330.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	290.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Hòa Phát Yên Mỹ	284.500.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	15.350.952.055	-
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Đô thị xanh	6.387.534.247	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	2.025.904.109	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoàng Diệu	1.799.356.164	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Đồng Phúc	1.576.191.781	-
Các bên liên quan khác	3.561.965.754	-

Thù lao, lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thù lao Thành viên của Hội đồng Quản trị	83.160.000.000	244.720.000.000
Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc	36.774.676.000	5.736.682.000
Thù lao, lương và thưởng của Ban Kiểm soát	3.080.661.817	3.249.375.165
Lương và thưởng của Cán bộ quản lý chủ chốt khác	1.868.503.061	1.848.785.128
	124.883.840.878	**255.554.842.293**

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 15.350.952.055 VND (năm 2024: 0 VND), là số tiền chi phí lãi vay phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay trong năm không bao gồm 11.267.087.272 VND (năm 2024: 10.846.996.221 VND), là số lãi tiền gửi, tiền cho vay phát sinh trong năm mà chưa nhận được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hoàn tất chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và tăng vốn điều lệ

Theo Quyết định số 02/2026/QĐ-HĐQT ngày 06 tháng 01 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát – công ty con của Công ty đã thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) và việc tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phiếu chào bán thành công. Theo đó, Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát đã chào bán thành công 30.000.000 cổ phiếu, tương ứng với giá trị 300.000.000.000 VND theo mệnh giá. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát được tăng thêm tương ứng với giá trị cổ phần đã phát hành. Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát đã thực hiện các thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 11 ngày 13 tháng 01 năm 2026 với số vốn điều lệ là 2.850.000.000.000 VND.

Theo Công văn số 237/UBCK-GSĐC ngày 10 tháng 01 năm 2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát đã thực hiện chào bán thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng và trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2026.

Theo Thông báo số 245/TB-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 01 năm 2026 về việc niêm yết và ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát, ngày niêm yết có hiệu lực là ngày 29 tháng 01 năm 2026, ngày chính thức giao dịch là ngày 06 tháng 02 năm 2026 với giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 41.900 VND/cổ phiếu.

Nguyễn Diệu Linh	Phạm Thị Kim Oanh	Nguyễn Việt Thắng
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 24 tháng 3 năm 2026